TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:54/2026/KDTM-ST
Ngày: 27- 5 -2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Anh Thư

Bà Võ Thị Thu Thủy

Thư ký phiên toà: bà Phạm Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2026/KDTM – ST ngày 16 tháng 01 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST – KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Thông báo V/v thay đổi ngày xét xử số: 05/TB – TA ngày 14/5/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 58/2026/QĐST-KDTM ngày 19/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: số A, tổ A, khu phố A, phường T, Thành phố Đ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1986; địa chỉ: E L, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, *là đại diện theo ủy quyền, có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: số C N, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tạ Văn M, sinh năm 1984; địa chỉ: số A đường C, tổ B, khu phố C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, *là đại diện theo ủy quyền, có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Xuân H, sinh năm 1983; địa chỉ: số C DX A tổ B, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1986; địa chỉ: E L, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, *là đại diện theo ủy quyền, có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 25/9/2017, ông Trần Văn T cùng ông Nguyễn Đình T1 và Cao Xuân H thành lập Công ty TNHH C với vốn điều lệ 1.500.000.000 đồng, tỷ lệ góp vốn của các thành viên như sau:

- Ông Nguyễn Đình T1: 500.000.000 đồng (33,333%) và sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Ông Cao Xuân H: 500.000.000 đồng (33,333%);

- Ông Trần Văn T: 500.000.000 đồng (33,333%).

Trong quá trình hoạt động, giữa các thành viên Công ty phát sinh nhiều mâu thuẫn, do đó ông Trần Văn T đề nghị được hoàn trả phần vốn góp của mình theo tỷ lệ góp vốn tương ứng với giá trị tài sản hiện có của Công ty TNHH C, bao gồm: các thiết bị máy móc và số tiền 390.000.000 đồng trong tài khoản của Công ty. Ngày 27/9/2023, Công ty C tiến hành họp Hội đồng thành viên và thống nhất việc để ông Trần Văn T và ông Cao Xuân H rút tư cách thành viên Công ty, đồng thời được nhận lại tài sản tương ứng với phần vốn góp của mình. Ngày 07/10/2023, Công ty tiếp tục họp Hội đồng thành viên để phân chia tài sản. Theo Biên bản họp, ông Trần Văn T đã được nhận các tài sản phân chia. Tuy nhiên, đối với số tiền 390.000.000 đồng trong tài khoản của Công ty TNHH C, các thành viên thống nhất gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP N (V), đứng tên ông Nguyễn Đình T1, với lý do *"giữ hộ và sẽ chia lại cho các thành viên sau khi hoàn tất thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp".* Ông Nguyễn Đình T1 đã rút ra 110.000.000 đồng để thanh toán công nợ. Còn lại số tiền trong tài khoản là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Hiện nay, Công ty TNHH C đã hoàn tất việc chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH một thành viên, do ông Nguyễn Đình T1 làm chủ sở hữu, cụ thể: Công ty đã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 vào ngày 18/10/2023. Tuy nhiên đến nay ông Trần Văn T vẫn chưa được nhận số tiền tương ứng với phần vốn góp của mình mà ông Nguyễn Đình T1 đang giữ.

Theo đơn khởi kiện ông Trần Văn T yêu cầu được nhận lại số tiền 93.333.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình T1 có rút ra số tiền 69.593.575 đồng (tròn số 69.594.000 đồng) để thanh toán công nợ cho Chi nhánh

Công ty TNHH C là Cơ khí Chính xác Mạnh H1 mà ông Cao Xuân H đã đóng thay vào ngày 23/12/2025. Do đó, số tiền còn lại mà ông Nguyễn Đình T1 đang giữ là: 210.406.000 đồng.

Vì vậy ông Trần Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.197.667đồng và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đình T1 thanh toán cho ông Trần Văn T số tiền 70.135.333 đồng (bảy mươi triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn đồng), tương đương 1/3 số tiền 210.406.000 đồng do ông Nguyễn Đình T1 đang giữ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn, đại diện bị đơn ông Nguyễn Đình T1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian thành lập Công ty TNHH C, số tiền các cổ đông đã đóng góp, cũng như thời gian các cổ đông họp hội đồng thành viên để xử lý tài sản hiện hữu của Công ty. Các cổ đông cũng đã nhận đủ số tài sản theo biên bản họp vào ngày 07/10/2023. Đối với số tiền ban đầu là 390.000.000 đồng các thành viên thống nhất gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP N (V), đứng tên ông Nguyễn Đình T1 trong tài khoản của Công ty TNHH C là đúng. Quá trình chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH C, ông Nguyễn Đình T1 đã rút ra 110.000.000 đồng để thanh toán công nợ, số tiền còn lại trong tài khoản là 280.000.000 đồng. Ngày 07/02/2024, ông Nguyễn Đình T1 đã thông báo cho ông Trần Văn T và Cao Xuân H về việc sử dụng số tiền 280.000.000 đồng còn lại để nhằm thanh toán các khoản thuế, phí, nghĩa vụ khác liên quan đến Công ty TNHH C cũ từ tháng 9/2017 đến khoảng tháng 9/2023.

Ngày 23/12/2025 sau khi các cổ đông thống nhất, ông Nguyễn Đình T1 rút ra số tiền 69.593.575 đồng (tròn số 69.594.000 đồng) để thanh toán công nợ cho các công việc liên quan đến Công ty TNHH C (cũ), đó là Cơ khí Chính xác Mạnh H1 mà ông Cao Xuân H đã đóng thay vào ngày 23/12/2025. Do đó, số tiền còn lại mà ông Nguyễn Đình T1 đang giữ là 210.406.000 đồng. Hiện nay, Công ty TNHH C đã hoàn tất việc chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH một thành viên, do ông Nguyễn Đình T1 làm chủ sở hữu.

Hiện tại, ông Nguyễn Đình T1 đang giữ số tiền 210.000.000đồng (làm tròn số) nhưng nhằm đảm bảo thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh và các nghĩa vụ khác của Công ty TNHH C từ tháng 9/2017 đến tháng 9/2023. Sau khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH C trong giai đoạn trên, số tiền còn lại ông Nguyễn Đình T1 sẽ đồng ý thanh toán lại cho ông Trần Văn T và ông Cao Xuân H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì ông Nguyễn Đình T1 không đồng ý với lý do các thành viên chưa hoàn tất thủ tục của Công ty TNHH C (cũ). Đối với yêu cầu độc lập của ông Cao Xuân H, thì ông Nguyễn Đình T1 cũng không đồng ý.

Theo đơn yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân H trình bày:

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn. Hiện nay, Công ty TNHH C đã hoàn tất việc chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH một thành viên, do ông Nguyễn Đình T1 làm chủ sở hữu, tuy nhiên đến nay ông Cao Xuân H vẫn chưa được nhận số tiền tương ứng với phần vốn góp của mình mà ông Nguyễn Đình T1 đang giữ. Vì vậy, ông Cao Xuân H yêu cầu Tòa án xem xét và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Cao Xuân H với nội dung: Buộc ông Nguyễn Đình T1 thanh toán cho ông Cao Xuân H số tiền 70.135.333 đồng (bảy mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), tương đương 1/3 số tiền 210.406.000 đồng mà ông Nguyễn Đình T1 đang giữ.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn, đồng thời đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu độc lập.

Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T1 thanh toán số tiền tương ứng phần vốn góp còn lại là 70.135.333đồng hiện ông Nguyễn Đình T1 đang quản lý sau khi các thành viên chấm dứt tư cách thành viên Công ty TNHH C. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân H có yêu cầu độc lập với nội dung tương tự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các thành viên công ty liên quan đến việc góp vốn, phân chia tài sản công ty nên thuộc quan hệ pháp luật "Tranh

chấp hợp đồng góp vốn" quy định tại khoản 4 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T1 có địa chỉ thường trú tại số C N, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi mở phiên Tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 23.197.667 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về quá trình thành lập công ty và chấm dứt tư cách thành viên: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lời thừa nhận của các đương sự về việc ngày 25/9/2017 ông Trần Văn T, ông Nguyễn Đình T1 và ông Cao Xuân H cùng thành lập Công ty TNHH C với vốn điều lệ 1.500.000.000 đồng; mỗi thành viên góp 500.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ 33,333% vốn điều lệ Công ty. Ngày 18/10/2023 Công ty đã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 với tên gọi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêC và ông Nguyễn Đình T1 là người đại diện theo pháp luật. Số tiền còn lại của các thành viên hiện ông Nguyễn Đình T1 đang giữ là 210.406.000 đồng. Như vậy, lời thừa nhận của các đương sự về việc thành lập công ty, số vốn góp giữa các thành viên cũng như số tiền còn lại hiện ông Nguyễn Đình T1 đang giữ là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân H: Theo lời thừa nhận của các đương sự đối với số tiền vốn góp còn lại hiện nay ông Nguyễn Đình T1 đang giữ là 210.406.000đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình T1 không đồng ý trả lại 1/3 giá trị vốn góp cho ông Trần Văn T và ông Cao Xuân H với lý do: Công ty phải hoàn tất nghĩa vụ thuế, quyết toán với cơ quan thuế và các nghĩa vụ liên quan nếu có phát sinh trong tương lai có liên quan đến hoạt động của Công ty TNHH C giai đoạn từ 25/9/2017 đến ngày 18/10/2023. Ngoài ra, cần phải có một đơn vị kiểm toán độc lập xem xét quá trình hoạt động của Công ty trong giai đoạn này trước khi xem xét chia số tiền còn lại cho các cổ đông. Xét, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 27/9/2023 và ngày 07/10/2023, các thành viên thống nhất việc phân chia tài sản của Công ty theo tỷ lệ vốn góp, trong đó có nội dung: ông Nguyễn Đình T1 *"giữ hộ và sẽ chia lại cho các thành viên sau khi hoàn tất thủ tục chuyển đổi loại hình doanh*

nghiệp”. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 18/10/2023 thì Công ty TNHH C là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêC với thông tin chủ sở hữu là ông Nguyễn Đình T1. Ngoài ra, tại Công văn số 339/TCS26-KTr1 của Thuế cơ sở 26 – Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho Tòa án, thể hiện nội dung: Công ty TNHH C đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế; đã thực hiện kê khai thuế đầy đủ và hiện Công ty không còn nợ thuế. Như vậy, Công ty TNHH C đã hoàn tất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp cũng như hoàn tất nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Việc ông Nguyễn Đình T1 cho rằng Công ty phải hoàn tất nghĩa vụ thuế, quyết toán với cơ quan thuế và các nghĩa vụ liên quan nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh còn tồn tại nghĩa vụ tài chính cụ thể nào chưa thanh toán nên không có căn cứ để hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ quy định tại Điều 49 Luật Doanh nghiệp năm 2020, thành viên công ty C hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền được chia giá trị tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp sau khi Công ty hoàn thành các nghĩa vụ tài chính. Do đó, việc ông Nguyễn Đình T1 tiếp tục quản lý toàn bộ số tiền còn lại nhưng không thanh toán cho ông Trần Văn T và ông Cao Xuân H phần giá trị tương ứng với tỷ lệ vốn góp là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bên góp vốn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân H về việc buộc ông Nguyễn Đình T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn T và ông Cao Xuân H mỗi người 70.135.333đồng.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 4 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 49 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Đình T1 về số tiền 23.197.667đồng (hai mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Đình T1 về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc ông Nguyễn Đình T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn T số tiền 70.135.333đồng (bảy mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Xuân H đối với bị đơn ông Nguyễn Đình T1 về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn.

Buộc ông Nguyễn Đình T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Cao Xuân H số tiền 70.135.333đồng (bảy mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đình T1 phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.013.533đồng (Bảy triệu không trăm mười ba nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002928 ngày 10/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho ông Cao Xuân H số tiền 1.753.300đồng (Một triệu bảy trăm năm ba nghìn ba trăm đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015035 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo